



PHAN CHÂU TRINH VÀ CÁC XU HƯỚNG CẢI CÁCH Ở CHÂU Á THỜI CẬN ĐẠI

PHAN CHAU TRINH AND REFORM TRENDS IN MODERN ASIA

Phạm Quốc Trung^{1*}, Đinh Văn Viễn²

¹Trường Đại học sư phạm, Đại học Huế

²Đại học Hoa Lư

DOI: <https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.01-e.942>

*Email: trungphamdhspue@gmail.com

Ngày nhận bài: 20/03/2026

Ngày phản biện: 15/04/2026

Ngày duyệt bài: 01/06/2026

TÓM TẮT

Trong bối cảnh cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX, khi trật tự chính trị – xã hội truyền thống ở nhiều quốc gia châu Á rơi vào khủng hoảng dưới sức ép của chủ nghĩa thực dân và quá trình hiện đại hóa cưỡng bức, các xu hướng cải cách phi cách mạng đã dần hình thành như một lựa chọn thay thế cho con đường bạo động. Tại Việt Nam, Phan Châu Trinh nổi lên như một đại biểu tiêu biểu của khuynh hướng cải cách ôn hòa này. Tư tưởng của ông được hình thành từ sự tiếp biến giữa giá trị truyền thống và những ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ, tiến bộ phương Tây, nhấn mạnh việc khai dân trí, chấn dân khí và cải tổ xã hội từ nền tảng văn hóa – giáo dục. Khi đặt trong tương quan với các nhà cải cách phi cách mạng ở châu Á cận đại, con đường của Phan Châu Trinh vừa thể hiện giá trị khai sáng sâu sắc, vừa phản ánh những giới hạn lịch sử tất yếu của mô hình cải cách không dựa trên đấu tranh cách mạng.

Từ khóa: Phan Châu Trinh; Cải cách; Châu Á cận đại; Khai dân trí.

ABSTRACT

In the late 19th and early 20th centuries, when the traditional political and social order in many Asian countries was in crisis under the pressure of colonialism and forced modernization, non-revolutionary reformist trends gradually emerged as an alternative to violent means. In Vietnam, Phan Châu Trinh stood out as a representative figure of this moderate reformist trend. His ideas were formed from the intermingling of traditional values and the influences of Western democratic and progressive thought, emphasizing the enlightenment of the people, the revitalization of national spirit, and social reform from a cultural and educational foundation. When compared to other non-revolutionary reformers in modern Asia, Phan Châu Trinh's path both demonstrated profound enlightenment and reflected the inevitable historical limitations of a reform model not based on revolutionary struggle.

Keywords: Phan Chau Trinh; Non-revolutionary reforms; Modern Asia; Enlightenment of the people.

MỞ ĐẦU

Cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX đánh dấu một giai đoạn chuyển biến sâu sắc trong lịch sử châu Á, khi trật tự chính trị – xã hội truyền thống vốn được duy trì hàng thế kỷ rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng dưới tác động của chủ nghĩa thực dân phương Tây và làn sóng hiện đại hóa mang tính cưỡng bức. Sự suy yếu của các thiết chế quân chủ, sự lạc hậu của hệ thống quản trị và giáo dục, cùng những biến đổi kinh tế – xã hội nhanh chóng đã đặt các quốc gia châu Á trước yêu cầu cấp bách phải lựa chọn con đường phát triển mới. Trong bối cảnh đó, bên cạnh các phong trào đấu tranh mang tính cách mạng,

nhiều xu hướng cải cách phi cách mạng đã xuất hiện như một nỗ lực tìm kiếm giải pháp chuyển hóa xã hội theo hướng ôn hòa, tiệm tiến và ít đối đầu hơn.

Các xu hướng cải cách phi cách mạng ở châu Á cận đại thường gắn liền với tầng lớp trí thức nho học hoặc trí thức tân học, những người vừa ý thức được sự khủng hoảng của mô hình truyền thống, vừa dè dặt trước những hệ quả xã hội của bạo lực cách mạng. Họ chủ trương cải tổ từ nền tảng, đặc biệt chú trọng đến giáo dục, đạo đức xã hội, pháp quyền và dân trí, coi đây là điều kiện tiên quyết để xây dựng một xã hội hiện đại và tự cường. Tuy nhiên, do chịu những ràng buộc lịch sử và cấu trúc quyền lực thuộc địa, các xu hướng

này thường tồn tại trong thế lưỡng nan giữa khát vọng cải cách và giới hạn thực tiễn.

Tại Việt Nam đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh đất nước mất chủ quyền và xã hội truyền thống bị xáo trộn mạnh mẽ, Phan Châu Trinh nổi lên như một trong những gương mặt tiêu biểu của con đường cải cách phi cách mạng. Khác với nhiều nhà yêu nước đương thời lựa chọn bạo động hoặc dựa vào ngoại lực, ông kiên trì theo đuổi tư tưởng cải cách xã hội thông qua khai dân trí, chấn dân khí và cải tổ thể chế trên cơ sở pháp lý và văn minh. Tư tưởng của Phan Châu Trinh không chỉ phản ánh sự tiếp thu có chọn lọc các giá trị dân chủ, tiến bộ từ phương Tây, mà còn thể hiện nỗ lực tái cấu trúc xã hội Việt Nam từ chính những hạn chế nội tại của nó.

Việc đặt Phan Châu Trinh trong dòng chảy chung của các xu hướng cải cách phi cách mạng ở châu Á cận đại không chỉ giúp làm rõ vị trí lịch sử và tư tưởng của ông, mà còn góp phần soi sáng đặc điểm, giá trị cũng như những giới hạn khách quan của mô hình cải cách ôn hòa trong bối cảnh thuộc địa. Từ đó, nghiên cứu hướng tới việc nhận diện một cách toàn diện hơn những lựa chọn tư tưởng và chiến lược cải cách của trí thức châu Á trước thách thức hiện đại hóa, đồng thời gợi mở những suy ngẫm có ý nghĩa về con đường phát triển xã hội trong các giai đoạn chuyển tiếp lịch sử.

Phương pháp nghiên cứu của bài viết được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa phương pháp lịch sử và phương pháp logic nhằm phân tích một cách hệ thống các xu hướng cải cách phi cách mạng ở châu Á cận đại, đồng thời làm rõ vị trí tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh trong bối cảnh lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX. Trước hết, phương pháp lịch sử được sử dụng để đặt các tư tưởng cải cách trong hoàn cảnh cụ thể của sự khủng hoảng trật tự phong kiến, sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân và quá trình chuyển biến xã hội ở châu Á cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX. Trên cơ sở đó, bài viết làm rõ những tiền đề khách quan dẫn tới sự xuất hiện của các xu hướng cải cách và cách mạng như kết quả của những mâu thuẫn lịch sử đang phát triển trong xã hội thuộc địa và nửa thuộc địa.

Bên cạnh đó, phương pháp logic được vận dụng nhằm hệ thống hóa các quan điểm cải cách tiêu biểu, phân tích nội dung tư tưởng, phương

hướng cải cách cũng như đặc điểm trong nhận thức chính trị – xã hội của các nhà cải cách, đặc biệt là trường hợp Phan Châu Trinh. Trong quá trình phân tích, bài viết chú trọng tiếp cận mối quan hệ giữa các tiền đề khách quan và nhân tố chủ quan của cải cách/cách mạng, qua đó xem tư tưởng của Phan Châu Trinh không chỉ là phản ánh của hoàn cảnh lịch sử mà còn là biểu hiện của nhận thức, tầm nhìn, lựa chọn con đường và bản lĩnh chính trị của chủ thể cải cách trước yêu cầu chuyển biến của dân tộc. Cách tiếp cận này giúp hạn chế khuynh hướng giải thích một chiều theo hướng quy toàn bộ thành công hay hạn chế của cải cách vào điều kiện khách quan lịch sử.

Ngoài ra, bài viết còn sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp tài liệu, phương pháp so sánh khu vực và tiếp cận liên ngành nhằm đối chiếu tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh với các xu hướng cải cách và cách mạng ở châu Á cận đại. Qua đó, bài viết hướng tới việc đánh giá khách quan hơn giá trị, vai trò và giới hạn lịch sử của tư tưởng cải cách phi cách mạng trong tiến trình hiện đại hóa xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX.

1. Bối cảnh lịch sử và sự hình thành các xu hướng cải cách phi cách mạng ở châu Á cận đại

Khủng hoảng trật tự chính trị và xã hội truyền thống ở châu Á cuối thế kỷ XIX

Cuối thế kỷ XIX, các xã hội châu Á bước vào một giai đoạn khủng hoảng toàn diện của trật tự chính trị và xã hội truyền thống, vốn được xây dựng và duy trì trong khuôn khổ các thiết chế quân chủ, quan liêu và đạo lý Nho giáo hoặc tôn giáo bản địa. Sự ổn định tương đối của mô hình này trong nhiều thế kỷ trước đó bị phá vỡ khi các cường quốc phương Tây mở rộng xâm lược thuộc địa, áp đặt hệ thống quyền lực mới và làm thay đổi sâu sắc cấu trúc kinh tế – xã hội bản địa. Khủng hoảng không chỉ biểu hiện ở sự suy yếu của nhà nước truyền thống mà còn lan rộng sang các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và đời sống xã hội.

Về chính trị, các triều đại phong kiến ở nhiều quốc gia châu Á như Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên hay Xiêm đều bộc lộ sự bất lực trong việc bảo vệ chủ quyền và điều hành xã hội trước sức ép từ bên ngoài. Bộ máy quan liêu

nặng tính hình thức, dựa trên thi cử kinh điển và trung thành cá nhân, không còn đáp ứng được yêu cầu quản trị trong bối cảnh kinh tế hàng hóa và quan hệ quốc tế biến đổi nhanh chóng (Fairbank & Goldman, 2006). Thất bại quân sự trước các nước phương Tây càng làm lung lay tính chính danh của chế độ quân chủ, vốn được xem là trụ cột của trật tự chính trị truyền thống.

Về xã hội, sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản thực dân đã làm đảo lộn các quan hệ sản xuất và cấu trúc cộng đồng vốn dựa trên nông nghiệp tự cấp tự túc. Việc khai thác thuộc địa, đánh thuế nặng nề và cưỡng bức lao động khiến đời sống nông dân ngày càng bấp bênh, trong khi tầng lớp thương nhân và trí thức mới bắt đầu xuất hiện với những nhu cầu và ý thức xã hội khác biệt (Bayly, 2004). Những biến đổi này làm suy giảm vai trò điều tiết xã hội của các chuẩn mực đạo đức truyền thống, đồng thời làm gia tăng các mâu thuẫn xã hội tiềm ẩn.

Khủng hoảng tư tưởng là một hệ quả trực tiếp của những biến động chính trị và xã hội nói trên. Hệ tư tưởng chính thống, đặc biệt là Nho giáo ở Đông Á, bị đặt trước những nghi vấn sâu sắc về khả năng giải thích và dẫn dắt xã hội trong bối cảnh mới. Sự đối lập rõ nét giữa sức mạnh vật chất của phương Tây và sự trì trệ của các quốc gia châu Á đã thúc đẩy quá trình tự phản tỉnh trong giới trí thức, từ đó nảy sinh nhu cầu tìm kiếm những con đường cải cách nhằm “tự cường” và “khai hóa” xã hội (Duara, 1995).

Chính trong bối cảnh khủng hoảng đa chiều này, các xu hướng cải cách phi cách mạng ở châu Á cận đại dần hình thành như một phản ứng mang tính thích nghi và điều chỉnh. Thay vì phủ định hoàn toàn trật tự cũ bằng bạo lực, nhiều trí thức chủ trương cải tổ từng phần, kết hợp giá trị truyền thống với những yếu tố hiện đại như giáo dục mới, pháp quyền và ý thức công dân. Những xu hướng này phản ánh nỗ lực dung hòa giữa yêu cầu đổi mới và giới hạn lịch sử, đồng thời đặt nền móng tư tưởng cho các phong trào cải cách ôn hòa ở nhiều quốc gia châu Á trong giai đoạn chuyển tiếp sang thời kỳ hiện đại.

Tác động của chủ nghĩa thực dân và quá trình hiện đại hóa cưỡng bức

Sự xâm nhập và thiết lập ách thống trị của chủ nghĩa thực dân phương Tây từ nửa sau thế kỷ XIX đã tạo ra những biến đổi sâu sắc và mang

tính cưỡng bức đối với tiến trình phát triển của các xã hội châu Á. Không chỉ làm thay đổi cục diện chính trị – quân sự, chủ nghĩa thực dân còn áp đặt một mô hình hiện đại hóa ngoại sinh, phục vụ trực tiếp cho lợi ích của chính quốc, qua đó phá vỡ những nền tảng kinh tế, xã hội và văn hóa truyền thống vốn tồn tại lâu đời. Hiện đại hóa trong bối cảnh này không diễn ra như một quá trình tự thân, mà gắn chặt với cơ chế kiểm soát, khai thác và tái cấu trúc xã hội thuộc địa.

Về kinh tế, các chính quyền thực dân từng bước tích hợp các nền kinh tế châu Á vào hệ thống tư bản chủ nghĩa toàn cầu theo hướng phụ thuộc. Cơ cấu sản xuất bị điều chỉnh nhằm phục vụ nhu cầu nguyên liệu và thị trường của chính quốc, trong khi các ngành thủ công truyền thống suy thoái nhanh chóng. Ở Đông Dương, chính sách khai thác thuộc địa của Pháp đã làm biến đổi sâu sắc quan hệ ruộng đất, gia tăng gánh nặng thuế khóa và đẩy một bộ phận lớn nông dân vào tình trạng bán cùng hóa (Trần Văn Giàu, 2011). Những biến đổi này vừa thúc đẩy sự phân hóa xã hội, vừa làm lung lay nền tảng kinh tế của trật tự truyền thống.

Về chính trị, chủ nghĩa thực dân áp đặt các thiết chế quản trị hiện đại theo mô hình phương Tây, song lại tước bỏ quyền tự quyết của xã hội bản địa. Bộ máy quan liêu thuộc địa vận hành dựa trên luật pháp và kỹ thuật quản trị mới, nhưng mục tiêu chủ yếu là duy trì trật tự và tối đa hóa hiệu quả khai thác, hơn là xây dựng một nhà nước hiện đại thực sự cho người bản xứ (Bayly, 2004). Điều này tạo ra một nghịch lý: các yếu tố của nhà nước hiện đại xuất hiện, song không đi kèm với quyền công dân và chủ quyền quốc gia.

Về văn hóa – tư tưởng, quá trình hiện đại hóa cưỡng bức đã đặt các hệ giá trị truyền thống trước thách thức chưa từng có. Hệ thống giáo dục Nho học ở nhiều quốc gia Đông Á suy yếu nhanh chóng trước sự du nhập của giáo dục phương Tây và chữ viết Latin. Tuy nhiên, sự chuyển đổi này diễn ra không đồng đều và mang tính áp đặt, dẫn đến sự đứt gãy trong truyền thừa văn hóa, đồng thời hình thành một tầng lớp trí thức mới với ý thức phê phán ngày càng rõ nét đối với xã hội cũ.

Nhìn chung chủ nghĩa thực dân và quá trình hiện đại hóa cưỡng bức vừa đóng vai trò như một

tác nhân phá vỡ trật tự truyền thống, vừa là chất xúc tác thúc đẩy sự hình thành các xu hướng tư tưởng cải cách ở châu Á cận đại. Trước thực trạng xã hội bị chi phối từ bên ngoài nhưng đồng thời cũng bộc lộ những hạn chế nội tại, nhiều trí thức châu Á đã lựa chọn con đường cải cách phi cách mạng, coi việc nâng cao dân trí, cải tổ xã hội và tái cấu trúc văn hóa là tiền đề cho sự tự cường lâu dài. Chính từ nghịch lý của hiện đại hóa thuộc địa, các xu hướng cải cách ôn hòa đã từng bước định hình như một phản ứng lịch sử mang tính đặc thù của châu Á trong tiến trình chuyển sang thời kỳ hiện đại.

Sự xuất hiện của các xu hướng cải cách phi cách mạng

Trong bối cảnh khủng hoảng sâu sắc của trật tự chính trị – xã hội truyền thống và tác động ngày càng gia tăng của chủ nghĩa thực dân, các xu hướng cải cách phi cách mạng đã dần xuất hiện ở nhiều quốc gia châu Á như một phản ứng tư tưởng mang tính thích nghi. Khác với các phong trào cách mạng chủ trương lật đổ trật tự hiện hữu bằng bạo lực, các xu hướng này hướng tới việc cải tổ xã hội thông qua những thay đổi tiệm tiến trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa, pháp luật và đạo đức xã hội, coi đây là nền tảng cho quá trình tự cường lâu dài.

Sự hình thành của các xu hướng cải cách phi cách mạng gắn liền với sự trỗi dậy của một tầng lớp trí thức mới, bao gồm cả trí thức nho học cải lương và trí thức tân học chịu ảnh hưởng của tư tưởng phương Tây. Nhóm trí thức này sớm nhận thức được sự bất cập của mô hình quản trị truyền thống, song đồng thời cũng bày tỏ thái độ hoài nghi đối với con đường bạo động cách mạng, vốn bị xem là tiềm ẩn nhiều rủi ro xã hội và khó đạt được sự ổn định lâu dài. Do đó, họ chủ trương cải cách từ bên trong xã hội, thông qua việc nâng cao dân trí, cải tổ thiết chế và xây dựng ý thức công dân.

Tại Đông Á, các xu hướng cải cách phi cách mạng thể hiện rõ nét qua các phong trào cải lương ở Trung Quốc cuối thời Thanh, những nỗ lực canh tân ở Nhật Bản giai đoạn đầu Minh Trị, hay các đề xuất cải cách hành chính và giáo dục tại Triều Tiên và Xiêm. Dù mức độ thành công khác nhau, các phong trào này đều chia sẻ điểm chung là không phủ định hoàn toàn truyền thống, mà tìm cách dung hòa giữa giá trị bản địa và

những yếu tố hiện đại như khoa học, pháp quyền và tổ chức nhà nước mới (Fairbank & Goldman, 2006). Điều này phản ánh một đặc điểm quan trọng của cải cách phi cách mạng: tính chọn lọc và điều chỉnh, thay vì đoạn tuyệt triệt để.

Ở Đông Nam Á, đặc biệt là trong các xã hội thuộc địa như Việt Nam hay Indonesia, cải cách phi cách mạng còn mang một sắc thái đặc thù. Do bị tước đoạt chủ quyền, các trí thức bản địa khó có điều kiện thực thi cải cách ở cấp độ nhà nước, nên trọng tâm cải cách thường được chuyển sang lĩnh vực xã hội và văn hóa. Việc phát triển giáo dục mới, báo chí, diễn đàn học thuật và các hoạt động khai hóa dân trí trở thành những phương thức chủ yếu để chuẩn bị cho sự chuyển biến xã hội trong dài hạn.

Tuy nhiên, các xu hướng cải cách phi cách mạng cũng bộc lộ những giới hạn lịch sử rõ rệt. Việc thiếu quyền lực chính trị thực chất, sự kiểm soát chặt chẽ của chính quyền thực dân, cùng mâu thuẫn lợi ích giữa cải cách ôn hòa và yêu cầu giải phóng dân tộc đã khiến nhiều chương trình cải cách không đạt được kết quả như kỳ vọng. Dẫu vậy, không thể phủ nhận rằng các xu hướng này đã đóng vai trò quan trọng trong việc thức tỉnh ý thức xã hội, hình thành tư duy cải cách và đặt nền móng tư tưởng cho những chuyển động chính trị – xã hội sâu sắc hơn ở châu Á trong thế kỷ XX.

2. Phan Châu Trinh và con đường cải cách phi cách mạng ở Việt Nam

Bối cảnh lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX

Đầu thế kỷ XX, Việt Nam bước vào một giai đoạn lịch sử đặc biệt phức tạp, khi đất nước hoàn toàn rơi vào ách thống trị của thực dân Pháp và trật tự xã hội truyền thống đứng trước nguy cơ tan rã sâu sắc. Sau các hiệp ước cuối thế kỷ XIX, triều Nguyễn mất dần vai trò một nhà nước độc lập, chuyển sang vị thế phụ thuộc và bị hạn chế nghiêm trọng quyền lực thực tế. Theo nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam, sự tồn tại hình thức của triều đình Huế không còn đủ khả năng điều tiết xã hội hay bảo vệ lợi ích quốc gia, từ đó làm nảy sinh cuộc khủng hoảng về tính chính danh và niềm tin chính trị trong xã hội đương thời.

Về kinh tế, chính sách khai thác thuộc địa của Pháp đã làm biến đổi căn bản cơ cấu kinh tế truyền thống. Nền kinh tế nông nghiệp tự cấp tự

túc bị lồng ghép vào hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa phục vụ lợi ích của chính quốc, thông qua các đồn điền, hầm mỏ, hệ thống thuế khóa và độc quyền thương mại. Nhiều công trình nghiên cứu của các học giả Việt Nam chỉ ra rằng quá trình này không tạo ra sự phát triển cân đối, mà chủ yếu dẫn tới sự bần cùng hóa của nông dân, gia tăng bất bình đẳng xã hội và làm trầm trọng thêm mâu thuẫn giữa các giai tầng (Nguyễn Văn Khánh, 2015).

Những biến đổi kinh tế kéo theo sự phân hóa xã hội ngày càng rõ nét. Bên cạnh các giai tầng truyền thống như địa chủ và nông dân, một số tầng lớp xã hội mới bắt đầu xuất hiện, bao gồm trí thức tân học, viên chức, công chức và tiểu tư sản đô thị. Đây là lực lượng chịu ảnh hưởng trực tiếp của hệ thống giáo dục Pháp – Việt, báo chí quốc ngữ và các luồng tư tưởng canh tân từ bên ngoài. Theo Trần Đình Hượu, sự ra đời của tầng lớp trí thức mới đã tạo ra những chuyển biến quan trọng trong đời sống tư tưởng, khi các vấn đề về dân quyền, pháp luật, giáo dục và cải cách xã hội dần được đặt ra một cách công khai (Trần Đình Hượu, 2000).

Về văn hóa – tư tưởng, sự suy tàn của Nho học giữ vai trò then chốt trong việc làm thay đổi nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX. Hệ thống khoa cử, vốn là con đường thăng tiến chủ yếu của tầng lớp sĩ phu, ngày càng bộc lộ sự lạc hậu trước yêu cầu thực tiễn và chính thức bị bãi bỏ vào năm 1919 (Phan Ngọc, 1998). Khoảng trống tư tưởng do Nho học để lại đã thúc đẩy quá trình tìm kiếm các hệ giá trị mới, trong đó tư tưởng dân chủ, khai sáng và cải cách xã hội được giới trí thức đặc biệt quan tâm.

Chính trong bối cảnh lịch sử ấy, các con đường cứu nước và canh tân đất nước được đặt ra một cách gay gắt. Bên cạnh xu hướng bạo động và cầu viện ngoại lực, nhiều trí thức Việt Nam đã hướng tới con đường cải cách xã hội ôn hòa, coi việc nâng cao dân trí, cải tổ văn hóa và xây dựng ý thức công dân là nền tảng cho sự phục hưng dân tộc. Những điều kiện lịch sử đặc thù của Việt Nam đầu thế kỷ XX không chỉ tạo tiền đề cho sự xuất hiện của Phan Châu Trinh, mà còn giải thích vì sao con đường cải cách phi cách mạng của ông mang tính thời đại, gắn chặt với yêu cầu tự đổi mới từ bên trong xã hội Việt Nam.

Quá trình hình thành tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh

Tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh không hình thành một cách đột ngột, mà là kết quả của quá trình tích lũy nhận thức lâu dài, gắn liền với bối cảnh lịch sử – xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và trải nghiệm cá nhân của ông trong môi trường Nho học đang suy tàn. Sinh trưởng trong một gia đình nhà nho yêu nước ở Quảng Nam, Phan Châu Trinh sớm được tiếp cận hệ tư tưởng Nho giáo chính thống và từng tham gia con đường khoa cử truyền thống. Tuy nhiên, chính từ bên trong môi trường ấy, ông dần nhận ra sự bất lực của Nho học và chế độ quân chủ trong việc giải quyết khủng hoảng dân tộc trước ách thống trị của thực dân Pháp.

Bước ngoặt quan trọng trong quá trình hình thành tư tưởng của Phan Châu Trinh là sự va chạm trực tiếp giữa lý tưởng Nho giáo và thực tiễn xã hội thuộc địa. Qua quá trình làm quan ngăn ngừa và quan sát đời sống xã hội, ông đi đến phê phán sâu sắc chế độ phong kiến, đặc biệt là mô hình quân chủ chuyên chế mà ông cho là nguyên nhân cốt lõi dẫn đến sự suy nhược của quốc gia. Khác với nhiều sĩ phu đương thời vẫn đặt niềm tin vào việc “phò vua cứu nước”, Phan Châu Trinh chủ trương “đánh đổ vua quan chuyên chế”, coi cải cách thể chế và xã hội là tiền đề cho sự phục hưng dân tộc (Trần Đình Hượu, 2000).

Song song với quá trình đoạn tuyệt về tư tưởng với Nho giáo chính thống, Phan Châu Trinh từng bước tiếp nhận các yếu tố tư tưởng mới thông qua sách báo, giao lưu trí thức và đặc biệt là ảnh hưởng của phong trào Duy Tân ở Nhật Bản và cải cách ở Trung Quốc. Tuy không tiếp thu một cách máy móc, ông chọn lọc các giá trị mà mình cho là phù hợp với điều kiện Việt Nam, nhất là tư tưởng dân quyền, pháp trị và giáo dục khai sáng. Theo Phan Ngọc, tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh thể hiện rõ sự chuyển dịch từ đạo lý “trung quân” sang ý niệm về quyền lợi và trách nhiệm của người dân trong xã hội (Phan Ngọc, 1998).

Một đặc điểm nổi bật trong quá trình hình thành tư tưởng của Phan Châu Trinh là lập trường kiên định đối với con đường cải cách phi cách mạng. Ông phản đối việc sử dụng bạo lực

hay cầu viện ngoại lực, cho rằng những phương thức ấy không chỉ tiềm ẩn nhiều rủi ro mà còn có thể dẫn đến sự lệ thuộc mới. Thay vào đó, ông nhấn mạnh việc “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” như một chiến lược cải cách toàn diện, bắt đầu từ chuyển biến ý thức xã hội và nền tảng văn hóa.

Như vậy, tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh được hình thành từ sự kết hợp giữa quá trình tự phản tỉnh của một trí thức Nho học, tác động của bối cảnh thuộc địa và sự tiếp thu có chọn lọc các giá trị tư tưởng hiện đại. Con đường cải cách phi cách mạng mà ông theo đuổi không chỉ phản ánh lựa chọn cá nhân, mà còn là sản phẩm của những điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam đầu thế kỷ XX, đồng thời góp phần định hình một khuynh hướng cải cách đặc thù trong phong trào yêu nước Việt Nam thời cận đại

Nội dung cốt lõi của tư tưởng cải cách phi cách mạng

Tư tưởng cải cách phi cách mạng của Phan Châu Trinh được xây dựng như một hệ quan niệm tương đối nhất quán, nhằm giải quyết cuộc khủng hoảng dân tộc và xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX bằng con đường ôn hòa, lâu dài và dựa trên sự chuyển biến từ bên trong xã hội. Khác với các xu hướng bạo động đương thời, ông không đặt trọng tâm vào việc giành chính quyền trước mắt, mà chú trọng cải tạo nền tảng tinh thần, thể chế và văn hóa của quốc gia như điều kiện tiên quyết cho sự tự cường dân tộc (Chương Thâu, 2003).

Nội dung cốt lõi đầu tiên trong tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh là phê phán chế độ quân chủ chuyên chế và ý thức hệ “trung quân” truyền thống. Ông cho rằng chính mô hình chính trị độc đoán, dựa trên quyền lực tuyệt đối của vua quan, đã kìm hãm sự phát triển của xã hội và làm suy yếu năng lực tự vệ của quốc gia. Do đó, thay vì “phò vua cứu nước”, Phan Châu Trinh chủ trương cải cách thể chế theo hướng đề cao pháp quyền, trách nhiệm công quyền và quyền lợi của người dân, coi đây là nền tảng của một xã hội văn minh (Vĩnh Sinh, 2008)

Nội dung thứ hai mang tính trung tâm là quan niệm về “khai dân trí” như điểm xuất phát của mọi cải cách xã hội. Theo Phan Châu Trinh, một dân tộc muốn tự chủ và tiến bộ phải trước hết có dân trí cao, tức là có tri thức, ý thức pháp

luật và tinh thần trách nhiệm xã hội. Giáo dục, báo chí và truyền bá tri thức mới được ông xem là những công cụ chủ yếu để phá vỡ sự ngu dân và tâm lý lệ thuộc đã tồn tại lâu dài trong xã hội Việt Nam phong kiến (Đinh Xuân Lâm, 2010). Gắn liền với khai dân trí là tư tưởng “chấn dân khí”, tức là khơi dậy lòng tự trọng, tinh thần công dân và ý thức tham gia vào đời sống xã hội của người dân. Phan Châu Trinh cho rằng sự nô lệ không chỉ đến từ ách thống trị bên ngoài, mà còn bắt nguồn từ tâm lý cam chịu, sợ hãi và thụ động của chính người dân. Vì vậy, cải cách xã hội phải đi đôi với việc cải tạo tâm lý xã hội, hướng con người tới tinh thần tự do, bình đẳng và trách nhiệm cá nhân.

Một nội dung quan trọng khác trong tư tưởng cải cách phi cách mạng của Phan Châu Trinh là lập trường phản đối bạo lực và cầu viện ngoại lực. Ông cho rằng việc dựa vào sức mạnh quân sự hay trông chờ sự giúp đỡ từ bên ngoài không những khó thành công, mà còn có nguy cơ dẫn đến sự lệ thuộc mới (Chương Thâu, 2003). Thay vào đó, ông đề cao cải cách xã hội từng bước, lấy sự trưởng thành của dân chúng làm động lực căn bản cho tiến trình đổi mới quốc gia.

Có thể thấy, nội dung cốt lõi trong tư tưởng cải cách phi cách mạng của Phan Châu Trinh phản ánh một tầm nhìn mang tính khai sáng, đặt con người và xã hội làm trung tâm của tiến trình cải cách. Dù tồn tại những giới hạn lịch sử nhất định, tư tưởng này vẫn đóng góp quan trọng vào việc hình thành ý thức dân quyền, tinh thần cải cách và định hướng phát triển xã hội Việt Nam trong giai đoạn cận đại

Vị trí của Phan Châu Trinh trong phong trào cải cách Việt Nam

Trong phong trào cải cách Việt Nam đầu thế kỷ XX, Phan Châu Trinh giữ một vị trí đặc thù với tư cách là người xác lập tương đối rõ ràng mô hình cải cách phi cách mạng như một chiến lược chuyển hóa xã hội mang tính dài hạn. Vị trí ấy không chủ yếu được xác định bởi khả năng tổ chức lực lượng hay hiệu quả chính trị trực tiếp, mà bởi việc ông đã tái định hướng tư duy cứu nước từ mục tiêu giành chính quyền sang cải tạo nền tảng xã hội và con người (Trần Văn Giàu, 2011). Trong bối cảnh xã hội thuộc địa rơi vào khủng hoảng toàn diện, cách tiếp cận này cho

thấy Phan Châu Trinh nhìn nhận sự suy yếu của dân tộc không chỉ bắt nguồn từ sự áp bức bên ngoài mà còn từ tình trạng trì trệ của thiết chế chính trị, dân trí và ý thức công dân bên trong xã hội Việt Nam. Vì vậy, ông coi cải cách là một tiến trình biến đổi đồng bộ về nhận thức, đạo đức xã hội và cấu trúc thể chế, thay vì chỉ là sự thay thế quyền lực chính trị đơn thuần.

Điểm cốt lõi làm nên vị trí riêng của Phan Châu Trinh nằm ở lập trường phê phán triệt để đối với mô hình quân chủ chuyên chế. Khác với các xu hướng cải lương còn đặt hy vọng vào khả năng tự điều chỉnh của triều đình phong kiến, ông xem chính cấu trúc chuyên chế và hệ tư tưởng “trung quân” là nguyên nhân căn bản làm suy yếu năng lực tự chủ của xã hội Việt Nam (Trần Đình Hượu, 2000). Từ đó, yêu cầu cải cách được gắn với việc xây dựng pháp quyền, dân quyền và trách nhiệm công quyền, qua đó thể hiện sự chuyển đổi quan trọng từ tư duy trị quốc truyền thống sang nhận thức chính trị hiện đại. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là trong khi chủ trương cải cách xã hội từ nền tảng, Phan Châu Trinh lại không lựa chọn con đường cách mạng bạo lực để giải quyết vấn đề dân tộc.

Chính ở điểm này, tư tưởng của Phan Châu Trinh cần được đặt trong tương quan với các xu hướng cách mạng xuất hiện ở châu Á đầu thế kỷ XX để thấy rõ hơn vị trí lịch sử của ông. Nếu nhiều phong trào cách mạng đương thời, tiêu biểu như xu hướng dân tộc cách mạng ở Trung Quốc hay các phong trào giải phóng dân tộc kiểu mới tại châu Á, nhấn mạnh việc giành chính quyền và lật đổ trật tự thuộc địa bằng đấu tranh chính trị trực diện, thì Phan Châu Trinh lại cho rằng một xã hội chưa có dân trí và ý thức công dân sẽ khó duy trì được nền độc lập bền vững ngay cả khi đạt được chính quyền. Vì vậy, ông đặt ưu tiên vào việc khai dân trí, chấn dân khí và cải tạo văn hóa xã hội như tiền đề cho tiến trình hiện đại hóa dân tộc. So với các khuynh hướng cách mạng cùng thời, tư tưởng của ông thể hiện chiều sâu khai sáng và ý thức cải tạo xã hội từ gốc rễ, song đồng thời cũng bộc lộ giới hạn khi chưa giải quyết triệt để mâu thuẫn dân tộc – thuộc địa đang ngày càng gay gắt.

Trong nội bộ phong trào cải cách Việt Nam, Phan Châu Trinh cũng nổi bật ở cách xác định chủ thể của tiến trình đổi mới. Ông không đặt niềm tin vào sự thay đổi từ tầng lớp cầm quyền

hay vào một nhóm tinh hoa chính trị tiên phong, mà nhấn mạnh vai trò quyết định của xã hội, đặc biệt là trình độ dân trí và ý thức công dân. Giáo dục, báo chí và diễn ngôn công khai được xem là những công cụ cải cách căn bản, bởi theo ông, khi dân chúng chưa được trang bị tri thức và tinh thần tự chủ, mọi cải cách thể chế đều khó đạt được tính bền vững. Quan niệm này đã góp phần mở rộng phạm vi của tư tưởng cải cách ở Việt Nam, từ chỗ thiên về thay đổi chính trị sang chú trọng xây dựng nền tảng xã hội và văn hóa lâu dài.

Xét trong tiến trình lịch sử tư tưởng Việt Nam cận đại, vị trí của Phan Châu Trinh còn thể hiện ở vai trò trung gian giữa truyền thống và hiện đại. Ông không phủ nhận hoàn toàn các giá trị đạo lý truyền thống, nhưng đã giải cấu trúc chúng bằng tinh thần lý tính và tái diễn giải trong hệ quy chiếu mới của dân quyền, pháp trị và trách nhiệm xã hội. Điều này góp phần mở rộng không gian tư duy của phong trào cải cách, đồng thời tạo tiền đề cho sự hình thành ý thức công dân và tinh thần khai sáng trong đời sống trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Tuy nhiên, vị trí lịch sử của Phan Châu Trinh cũng gắn liền với những giới hạn khách quan của mô hình cải cách phi cách mạng trong xã hội thuộc địa. Việc tách cải cách xã hội khỏi nhiệm vụ giành chính quyền khiến tư tưởng của ông khó chuyển hóa thành một phong trào chính trị đủ khả năng đối đầu với chủ nghĩa thực dân trong điều kiện mâu thuẫn dân tộc ngày càng gay gắt. Trong khi các xu hướng cách mạng về sau chứng minh rằng độc lập dân tộc cần gắn với tổ chức chính trị và đấu tranh quyền lực, thì tư tưởng của Phan Châu Trinh lại cho thấy giá trị đặc biệt ở phương diện khai sáng xã hội và chuẩn bị nền tảng tinh thần cho tiến trình hiện đại hóa lâu dài. Vì vậy, xét trên bình diện lịch sử tư tưởng, ông vẫn giữ vai trò là người đặt nền móng quan trọng cho khuynh hướng cải cách phi cách mạng ở Việt Nam, đồng thời trở thành một trong những đại biểu tiêu biểu của tư duy dân quyền và cải cách xã hội ở châu Á cận đại.

3. So sánh và đánh giá vị trí lịch sử của Phan Châu Trinh trong các xu hướng cải cách phi cách mạng ở châu Á thời cận đại

So sánh tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh với một số nhà cải cách phi cách mạng ở châu Á

Trong bối cảnh châu Á cận đại, sự xuất hiện của các xu hướng cải cách phi cách mạng phản ánh nỗ lực chung của giới trí thức bản địa nhằm tìm kiếm con đường canh tân xã hội mà không dựa vào bạo lực lật đổ. Đặt trong dòng chảy này, tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh có nhiều điểm tương đồng với các nhà cải cách ở Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ, đồng thời cũng bộc lộ những đặc thù gắn liền với điều kiện lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Tương đồng trước hết thể hiện ở nhận thức chung về nguyên nhân nội sinh của sự suy yếu dân tộc. Giống như Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu ở Trung Quốc cuối thời Thanh, Phan Châu Trinh cho rằng sự trì trệ của chế độ chính trị truyền thống và trình độ dân trí thấp là những rào cản lớn đối với tiến trình tự cường quốc gia. Các nhà cải cách này đều nhấn mạnh vai trò của giáo dục, pháp quyền và cải tổ xã hội như những điều kiện căn bản để xây dựng một quốc gia hiện đại, thay vì chỉ tập trung vào việc chống lại áp lực từ bên ngoài (Fairbank & Goldman, 2006).

So với các nhà cải cách Nhật Bản thời kỳ Minh Trị, tư tưởng của Phan Châu Trinh có điểm gặp gỡ ở việc đề cao cải cách xã hội và ý thức công dân, song khác biệt rõ rệt về điều kiện thực thi. Nếu cải cách Minh Trị diễn ra trong khuôn khổ một nhà nước còn giữ được chủ quyền và có khả năng điều phối cải cách từ thượng tầng, thì Phan Châu Trinh hoạt động trong bối cảnh Việt Nam đã trở thành thuộc địa, nơi mọi cải cách thể chế đều bị giới hạn nghiêm trọng (Jansen, 2000). Do đó, cải cách trong tư tưởng của ông mang tính xã hội – văn hóa nhiều hơn, tập trung vào khai dân trí và chấn dân khí như những chiến lược dài hạn.

So sánh với Ấn Độ cận đại, tư tưởng của Phan Châu Trinh có những điểm tương đồng với khuynh hướng cải cách ôn hòa của các trí thức như Rabindranath Tagore hay các nhà cải cách xã hội thuộc phong trào Bengal Renaissance. Các nhà cải cách này đều phản đối bạo lực, đề cao giáo dục, đạo đức xã hội và sự thức tỉnh tinh

thần như nền tảng cho tự do dân tộc. Tuy nhiên, trong khi cải cách ở Ấn Độ gắn chặt với việc tái cấu trúc xã hội dân sự và bản sắc văn hóa bản địa, thì Phan Châu Trinh nhấn mạnh mẽ hơn vào việc phê phán chế độ phong kiến và xây dựng ý thức dân quyền theo mô hình pháp trị hiện đại (Bayly, 2004).

Điểm khác biệt quan trọng nhất làm nổi bật vị trí của Phan Châu Trinh trong các xu hướng cải cách phi cách mạng ở châu Á là lập trường phê phán triệt để chế độ quân chủ chuyên chế. Trong khi nhiều nhà cải cách châu Á vẫn tìm cách dung hòa cải cách với sự tồn tại của quân quyền, Phan Châu Trinh lại coi việc đoạn tuyệt với mô hình chính trị phong kiến là điều kiện tiên quyết cho tiến trình canh tân (Duara, 1995). Lập trường này khiến tư tưởng của ông mang tính triệt để về mặt tư tưởng, dù hạn chế về khả năng hiện thực hóa trong điều kiện thuộc địa.

Có thể thấy Phan Châu Trinh vừa chia sẻ những đặc điểm chung của các xu hướng cải cách phi cách mạng ở châu Á cận đại, vừa thể hiện những nét riêng gắn liền với hoàn cảnh lịch sử Việt Nam. Chính sự kết hợp giữa tính phổ quát của tư duy cải cách châu Á và tính đặc thù của điều kiện thuộc địa đã xác lập vị trí lịch sử riêng của Phan Châu Trinh trong dòng chảy cải cách phi cách mạng thời cận đại

Giới hạn lịch sử của các xu hướng cải cách phi cách mạng ở châu Á

Mặc dù các xu hướng cải cách phi cách mạng ở châu Á cận đại đóng vai trò quan trọng trong việc khơi mở tư duy canh tân và chuẩn bị nền tảng tinh thần cho quá trình hiện đại hóa, song những xu hướng này cũng bộc lộ nhiều giới hạn lịch sử khó vượt qua. Các giới hạn đó không chỉ xuất phát từ điều kiện chủ quan của lực lượng cải cách, mà còn gắn chặt với bối cảnh cấu trúc của xã hội thuộc địa và nửa thuộc địa trong giai đoạn chuyển tiếp sang thời kỳ hiện đại.

Trước hết, một giới hạn căn bản của cải cách phi cách mạng nằm ở sự thiếu vắng quyền lực chính trị thực chất. Phần lớn các nhà cải cách ở châu Á hoạt động trong khuôn khổ các chế độ quân chủ suy yếu hoặc dưới sự kiểm soát trực tiếp của chính quyền thực dân, khiến khả năng chuyển hóa tư tưởng cải cách thành chính sách nhà nước bị hạn chế nghiêm trọng (Osterhammel, 2014). Trong điều kiện đó,

cải cách chủ yếu dừng lại ở lĩnh vực tư tưởng, giáo dục và văn hóa, khó tạo ra những thay đổi mang tính cấu trúc về chính trị và kinh tế.

Thứ hai, các xu hướng cải cách phi cách mạng thường đối diện với mâu thuẫn nội tại giữa mục tiêu canh tân xã hội và yêu cầu giải phóng dân tộc. Trong bối cảnh chủ nghĩa thực dân ngày càng siết chặt cơ chế thống trị, nhu cầu giành độc lập quốc gia trở nên cấp bách, khiến các chiến lược cải cách ôn hòa bị xem là chậm chạp hoặc thiếu hiệu quả (Bayly, 2004). Tại nhiều quốc gia, sự gia tăng của áp bức thuộc địa đã làm suy giảm không gian tồn tại của cải cách tiệm tiến, đồng thời thúc đẩy sự trỗi dậy của các phong trào cách mạng triệt để hơn.

Thứ ba, bắt nguồn từ nền tảng xã hội của các xu hướng cải cách phi cách mạng. Lực lượng cải cách chủ yếu xuất thân từ tầng lớp trí thức và tiểu tư sản đô thị, trong khi khả năng gắn kết với đại bộ phận quần chúng, đặc biệt là nông dân, còn hạn chế. Trình độ dân trí thấp, điều kiện kinh tế khó khăn và sự kiểm soát chặt chẽ của chính quyền thuộc địa khiến tư tưởng cải cách khó lan tỏa sâu rộng trong xã hội. Do đó, cải cách phi cách mạng thường thiếu cơ sở xã hội đủ mạnh để tạo ra áp lực thay đổi từ bên dưới.

Bên cạnh đó, nhiều xu hướng cải cách phi cách mạng mang tính dung hòa cao giữa truyền thống và hiện đại, vừa là ưu điểm vừa là giới hạn. Trong khi cách tiếp cận này giúp giảm xung đột xã hội và duy trì tính liên tục văn hóa, nó cũng khiến cải cách thiếu tính triệt để, đặc biệt trong việc xử lý các thiết chế quyền lực cũ. Việc không đoạn tuyệt rõ ràng với trật tự truyền thống khiến cải cách dễ rơi vào trạng thái nửa vời, khó tạo ra động lực thay đổi mạnh mẽ trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt của thời đại đế quốc chủ nghĩa.

Có thể thấy, các xu hướng cải cách phi cách mạng ở châu Á cận đại mang trong mình những giới hạn lịch sử mang tính cấu trúc, phản ánh mâu thuẫn giữa khát vọng canh tân và điều kiện thực tiễn của xã hội thuộc địa. Tuy không đạt được mục tiêu cải cách toàn diện, những xu hướng này vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành tư duy cải cách, ý thức dân quyền và tinh thần khai sáng, qua đó trở thành một mắt xích không thể thiếu trong tiến trình chuyển biến lịch sử của châu Á thời cận đại.

KẾT LUẬN

Bối cảnh châu Á thời cận đại được đặc trưng bởi sự tan rã dần của trật tự chính trị – xã hội truyền thống dưới tác động đồng thời của khủng hoảng nội tại và áp lực hiện đại hóa từ bên ngoài. Trong tiến trình ấy, cải cách phi cách mạng xuất hiện như một phương thức tư duy và hành động nhằm tìm kiếm khả năng thích ứng của xã hội trước những biến động mang tính cấu trúc. Các xu hướng cải cách này không đặt trọng tâm vào sự thay đổi quyền lực tức thời, mà hướng đến việc điều chỉnh nền tảng xã hội, tư tưởng và văn hóa, qua đó phản ánh một cách tiếp cận mang tính tiệm tiến trong quá trình chuyển đổi sang thời kỳ hiện đại.

Trường hợp Phan Châu Trinh được đặt trong dòng chảy chung của cải cách châu Á cho thấy sự gặp gỡ giữa những vấn đề mang tính khu vực và những điều kiện lịch sử đặc thù của Việt Nam đầu thế kỷ XX. Việc nhấn mạnh vai trò của giáo dục, ý thức công dân và cải tạo xã hội gợi mở một mô hình cải cách đặt con người làm trung tâm của tiến trình canh tân. Trong bối cảnh một xã hội đã mất chủ quyền quốc gia, trọng tâm này đồng thời phản ánh giới hạn khách quan của khả năng cải tổ thể chế ở cấp độ nhà nước, khiến cải cách chủ yếu diễn ra trên bình diện xã hội – văn hóa.

Khi được đặt trong tương quan với các nhà cải cách phi cách mạng ở những khu vực khác của châu Á, tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh cho thấy sự tương đồng ở mục tiêu khai sáng và cải biến xã hội, song cũng bộc lộ những khác biệt đáng kể về điều kiện thực thi. Những khác biệt ấy gắn liền với mức độ chủ quyền quốc gia, cấu trúc quyền lực chính trị và không gian hoạt động của xã hội dân sự. Sự so sánh này làm nổi bật tính đa dạng của các con đường cải cách phi cách mạng, đồng thời cho thấy tính linh hoạt của tư duy cải cách trong việc thích ứng với những hoàn cảnh lịch sử khác nhau.

Nghiên cứu nội dung và giới hạn của các xu hướng cải cách phi cách mạng cho thấy cải cách tiệm tiến thường đối diện với những rào cản mang tính cấu trúc, bao gồm sự thiếu vắng quyền lực chính trị, nền tảng xã hội hạn chế và áp lực ngày càng gia tăng của chủ nghĩa thực dân. Trong bối cảnh mâu thuẫn dân tộc – thuộc địa ngày càng gay gắt, không gian tồn tại của cải

cách ôn hòa dần bị thu hẹp, tạo điều kiện cho sự nổi lên của các khuynh hướng hành động quyết liệt hơn. Những giới hạn này không chỉ phản ánh khó khăn thực tiễn của cải cách phi cách mạng, mà còn cho thấy sự chuyển dịch ưu tiên chiến lược trong phong trào giải phóng dân tộc ở nhiều quốc gia châu Á.

Tuy vậy, xét trong chiều dài lịch sử tư tưởng, cải cách phi cách mạng vẫn giữ vai trò như một giai đoạn chuẩn bị quan trọng cho sự hình thành ý thức dân quyền và tư duy hiện đại. Trường hợp Phan Châu Trinh, khi được nhìn nhận trong tương quan khu vực, gợi mở cách hiểu về cải cách như một quá trình tích lũy lâu dài các điều kiện xã hội và tinh thần, thay vì một sự thay đổi mang tính đột biến. Chính trong quá trình tích lũy ấy, các xu hướng cải cách phi cách mạng đã góp phần mở rộng không gian nhận thức và đặt nền móng cho những chuyển động xã hội sâu sắc hơn trong lịch sử châu Á cận đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bayly, C. A. (2004). *The birth of the modern world, 1780–1914: Global connections and comparisons*. Blackwell Publishing.
- Duara, P. (1995). *Rescuing history from the nation: Questioning narratives of modern China*. University of Chicago Press.
- Fairbank, J. K., & Goldman, M. (2006). *China: A new history* (2nd ed.). Harvard University Press.
- Giàu, T. V. (2011). *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Huỳnh, T. Đ. (2000). *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*. Nxb Giáo dục.
- Jansen, M. B. (2000). *The making of modern Japan*. Harvard University Press.
- Khánh, N. V. (2015). *Việt Nam đầu thế kỷ XX: Bối cảnh lịch sử và những chuyển biến tư tưởng*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Lâm, Đ. X. (2010). *Phong trào cải cách ở Việt Nam đầu thế kỷ XX*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Ngọc, P. (1998). *Bản sắc văn hóa Việt Nam*. Nxb Văn hóa – Thông tin.
- Osterhammel, J. (2014). *The transformation of the world: A global history of the nineteenth century*. Princeton University Press.
- Sính, V. (2008). *Tư tưởng cải cách ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX*. Nxb Trẻ.
- Thâu, C. (2003). *Phan Châu Trinh – tư tưởng và sự nghiệp*. Nxb Chính trị Quốc gia.